

Thứ hai, ngày 19 tháng 12 năm 2022

Vietnam Daily Review

Tích lũy tiếp tục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/12/2022		•	
Tuần 19/12-23/12/2022		•	
Tháng 12/2022			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường mở cửa với sắc xanh duy trì đến gần cuối phiên giao dịch. Ngay sau đó, hoạt động chốt lãi diễn ra khá mạnh trong phiên giao dịch ATC và khiến thị trường giảm 14 điểm. Độ rộng thị trường tiêu cực với 1/19 ngành tăng điểm cho thấy áp lực bán diễn ra trên toàn bộ nhóm ngành cổ phiếu. Về giao dịch của khối ngoại, khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản nằm ở mức trung bình 20 phiên cho thấy tín hiệu giao dịch mạnh theo chiều bán. VN-Index nhiều khả năng vẫn tiếp tục xu hướng tích lũy cho đến khi có các thông tin mới trên thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/12/2022, các chứng quyền giảm co theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: VCS_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-14.08** điểm, đóng cửa **1038.4** điểm. HNX-Index **-0.75** điểm, đóng cửa **212.24** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VRE (+0.64), MSN (+0.54), EIB (+0.16), TCB (+0.09), ITA (+0.08).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-1.82), VHM (-1.2), VPB (-0.93), CTG (-0.6), VCB (-0.59).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 14,240 tỷ đồng, tăng 4.48% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,042 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 27.19 điểm. Thị trường có 159 mã tăng, 82 mã tham chiếu, 257 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 108.72 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FUEVFNVD (126.24 tỷ), STB (27.81 tỷ), SHB (26.7 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 13.23 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX

1038.40

Giá trị: 14240.34 tỷ

-14.08 (-1.33%)

Khối ngoại (ròng): 108.72 tỷ

HNX-INDEX

212.24

Giá trị: 1439.58 tỷ

-0.75 (-0.35%)

Khối ngoại (ròng): 13.23 tỷ

UPCOM-INDEX

72.12

Giá trị: 365.41 tỷ

-0.07 (-0.1%)

Khối ngoại (ròng): -0.797 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	74.2	-0.07%
Giá vàng	1,797	0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,654	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,914	0.43%
Tỷ giá JPY/VND	17,415	0.00%
LS liên NH 1 tháng	8.0%	1.45%
LS TPCP 5 năm	5.0%	-0.20%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	126.24	SSI	-43.92
STB	27.81	VIC	-38.94
SHB	26.70	VNM	-34.66
HCM	25.94	KDH	-32.47
VCI	19.37	HPG	-23.83

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Hiệu suất phân tích kỹ thuật	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Phân tích kỹ thuật

VCS_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: VCS đang hình thành xu hướng hồi phục khá tốt sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 50.0. Thanh khoản cổ phiếu nằm trên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng nhịp với đà tăng giá. Đường giá cổ phiếu nằm trên ngưỡng MA20 và MA50 với đường MA20 cắt lên MA50, cho thấy tín hiệu tích cực. Chỉ báo MACD và RSI đều ủng hộ xu hướng tăng. Khuyến nghị nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 58.0 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng đỉnh cũ 70.5. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 53.3.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

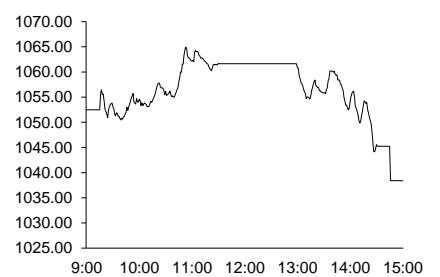
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	0.07%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	-0.32%
Ngân hàng	-0.85%
Dịch vụ tài chính	-0.87%
Tài nguyên Cơ bản	-1.11%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.15%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.19%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.40%
Công nghệ Thông tin	-1.41%
Bán lẻ	-1.53%
Bảo hiểm	-1.58%
Xây dựng và Vật liệu	-1.82%
Bất động sản	-1.95%
Ô tô và phụ tùng	-2.07%
Hóa chất	-2.24%
Dầu khí	-2.46%
Truyền thông	-2.63%
Du lịch và Giải trí	-2.71%

Hình 1

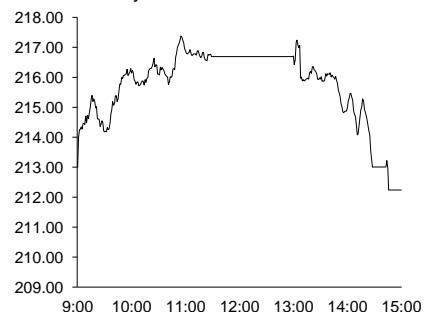
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo		Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/16/2022	IJC	14.2	18	13	13.7	3	-3.52%	Có thể tiếp tục mua	
12/15/2022	TLG	51.1	60	45.5	50.2	4	-1.76%	Có thể tiếp tục mua	
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

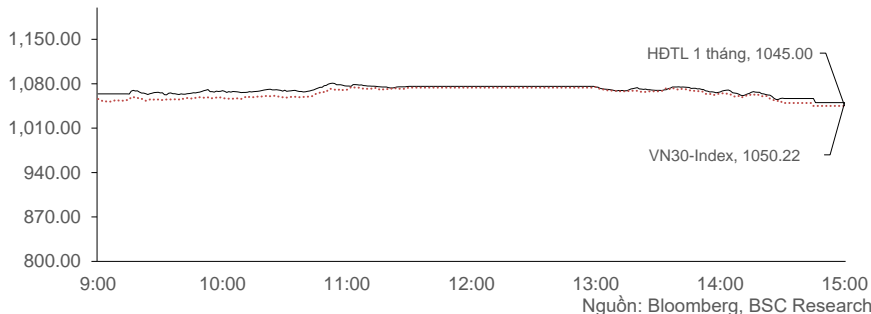
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo		Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%	
8/5/2022	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%	
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%	
8/3/22	REE	81.2	93	78.5	SL	54	-3.33%	
8/2/22	POW	13.75	16	13	SL	55	-5.45%	
8/1/22	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%	
7/20/22	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%	
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%	
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%	
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%	
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%	
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%	
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất						TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-2.64%	-2.64%	4
Cổ phiếu đã chốt	250	228	7.06%	-7.47%	4.06%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2301	1045.00	-1.42%	-5.22	-1.3%	294,108	1/19/2023	37
VN30F2302	1041.90	-1.34%	-8.32	-24.9%	549	2/16/2023	61
VN30F2303	1037.10	-0.96%	-13.12	9.6%	114	3/16/2023	89
VN30F2306	1026.80	-0.64%	-23.42	-17.7%	135	6/15/2023	180

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -13.85 điểm xuống 1050.22 điểm, biên độ dao động 31.33 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VIC, HPG, FPT, và VHM đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm 1.3% với sắc đỏ bao trùm. Thanh khoản vẫn cho thấy tín hiệu tiêu cực khi lại tiếp tục nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2303 tăng, các hợp đồng còn lại giảm. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2216	12/26/2022	7	3:1	544,500	49.76%	3,000	540	20.00%	387	1.40	20,290	19,000	20,000
CTCB2212	8/31/2023	255	4:1	717,600	46.92%	2,100	300	7.14%	309	0.97	45,120	44,000	29,250
CVRE2218	3/1/2023	72	5:1	608,200	45.36%	1,000	660	6.45%	409	1.61	33,538	27,888	27,300
CHPG2215	3/28/2023	99	10:1	1,015,600	49.76%	1,000	260	4.00%	108	2.40	25,499	22,999	20,000
CTCB2214	6/6/2023	169	3:1	283,300	46.92%	2,470	1,630	3.82%	1,701	0.96	31,680	27,000	29,250
CHPG2225	6/6/2023	169	3:1	940,300	49.76%	1,550	1,490	0.68%	1,495	1.00	20,870	17,000	20,000
CHPG2224	3/1/2023	72	4:1	1,381,500	49.76%	1,000	540	0.00%	253	2.13	24,502	22,222	20,000
CHPG2221	3/31/2023	102	4:1	4,724,100	49.76%	1,000	170	0.00%	175	0.97	25,520	25,000	20,000
CVHM2218	6/6/2023	169	6:1	245,000	34.90%	1,650	760	0.00%	463	1.64	63,180	54,000	48,200
CSTB2223	3/1/2023	72	4:1	311,700	55.32%	1,000	990	-1.00%	736	1.35	24,471	21,111	22,400
CMBB2213	6/6/2023	169	3:1	205,100	44.66%	1,550	1,240	-2.36%	1,022	1.21	20,600	17,000	18,350
CSTB2215	3/28/2023	99	5:1	1,220,300	55.32%	1,100	800	-3.61%	550	1.46	25,722	22,222	22,400
CSTB2222	3/1/2023	72	4:1	397,500	55.32%	1,000	1,160	-4.13%	867	1.34	24,622	20,222	22,400
CVNM2207	3/28/2023	99	15.4:1	889,000	29.09%	1,100	920	-4.17%	675	1.36	88,476	68,668	77,000
CVHM2213	3/10/2023	81	16:1	1,252,500	34.90%	1,000	160	-5.88%	11	13.97	69,899	63,979	48,200
CVPB2212	8/31/2023	255	2.66:1	439,600	43.22%	1,700	380	-7.32%	343	1.11	25,497	37,000	17,950
CMBB2211	8/31/2023	255	4:1	1,236,500	44.66%	1,200	220	-8.33%	187	1.18	27,920	27,000	18,350
CSTB2214	1/9/2023	21	2:1	333,300	55.32%	1,630	620	-8.82%	445	1.39	23,940	23,000	22,400
CMSN2214	6/6/2023	169	10:1	609,700	46.33%	1,640	770	-10.47%	1,063	0.72	111,900	100,000	95,000
CSTB2218	3/31/2023	102	2:1	892,300	55.32%	2,100	310	-13.89%	501	0.62	28,560	28,000	22,400
Tổng				18,247,600	47.12%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/12/2022, các chứng quyền giảm cơ theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2213 và CTCB2207 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 50% và 50%. Giá trị giao dịch tăng 45.75%. CHPG2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.8%.
- CSTB2218, CMSN2214, CPNJ2205, và CMWG2213 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2222, CVNM2211, CSTB2223, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2211, CHPG2225, CVNM2210, và CTCB2214 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VRE	27.30	4.20	1.05
MSN	95.00	1.60	1.01
TCB	29.25	0.34	0.24
HDB	17.35	0.29	0.09
SSI	20.50	0.00	0.00

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VPB	18.0	-2.97	-2.51
VIC	56.5	-3.25	-1.90
HPG	20.0	-1.96	-1.34
FPT	76.6	-1.67	-1.27
VHM	48.2	-2.23	-1.25

Source: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	47.2	-1.5%	1.0	3,000	7.9	3,504	13.5	3.0	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	112.0	-0.8%	0.7	1,198	0.6	7,720	14.5	3.3	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	48.2	-2.8%	1.0	1,556	1.4	2,359	20.4	1.6	26.7%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	46.2	-1.3%	0.8	471	0.0	2,959	15.6	1.5	59.2%	9.6%
VIC	Bất động sản	56.5	-3.3%	0.5	9,369	7.2	290	194.9	1.9	12.9%	1.0%
VRE	Bất động sản	27.3	4.2%	1.1	2,697	3.1	909	30.0	1.9	33.0%	6.6%
VHM	Bất động sản	48.2	-2.2%	0.9	9,125	4.6	7,221	6.7	1.5	24.2%	25.2%
DXG	Bất động sản	14.1	-6.6%	1.9	374	11.8	1,390	10.1	0.9	27.3%	9.2%
SSI	Chứng khoán	20.5	0.0%	1.7	1,327	38.4	2,253	9.1	1.4	41.1%	14.5%
VCI	Chứng khoán	27.0	-3.2%	1.0	511	11.8	3,018	8.9	1.8	19.4%	20.2%
HCM	Chứng khoán	22.5	-3.0%	1.6	446	9.3	2,087	10.8	1.3	42.3%	14.5%
FPT	Công nghệ	76.6	-1.7%	0.9	3,654	3.5	4,803	16.0	4.2	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	51.2	0.4%	0.4	731	0.1	4,926	10.4	2.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	105.2	-1.1%	0.9	8,754	2.1	6,968	15.1	3.6	2.9%	25.5%
PLX	Dầu khí	30.4	-1.9%	1.5	1,679	0.7	738	41.2	1.7	18.0%	3.8%
PVS	Dầu khí	22.5	-2.6%	1.4	468	7.0	1,044	21.6	0.9	18.5%	4.1%
BSR	Dầu khí	14.2	-4.1%	0.8	1,914	5.5	2,108	6.7	1.2	41.1%	19.1%
DHG	Dược	85.7	-0.1%	0.3	487	0.0	6,822	12.6	2.8	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	43.3	0.0%	1.4	737	2.0	15,533	2.8	1.3	19.0%	56.1%
DCM	Hóa chất	28.7	-0.7%	1.3	661	3.1	7,691	3.7	1.6	12.1%	49.8%
VCB	Ngân hàng	79.2	-0.6%	0.9	16,296	2.6	5,584	14.2	2.9	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	38.8	-0.3%	1.0	8,534	3.3	3,201	12.1	2.0	17.2%	18.1%
CTG	Ngân hàng	27.6	-1.8%	1.4	5,756	6.3	3,239	8.5	1.3	27.7%	15.5%
VPB	Ngân hàng	18.0	-3.0%	1.2	5,239	23.5	2,995	6.0	1.3	17.7%	23.3%
MBB	Ngân hàng	18.4	-2.4%	1.4	3,617	11.8	3,876	4.7	1.1	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	22.8	-1.1%	1.1	3,341	3.4	3,922	5.8	1.4	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	60.0	1.7%	0.7	214	0.1	6,869	8.7	1.9	86.0%	22.9%
NTP	Nhựa	32.3	0.0%	0.6	182	0.0	3,961	8.2	1.4	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	12.2	-3.9%	1.5	583	0.1	178	68.5	0.9	10.1%	1.4%
HPG	Thép	20.0	-2.0%	1.4	5,056	43.3	2,662	7.5	1.2	21.2%	17.0%
HSG	Thép	13.7	1.5%	1.8	356	16.1	439	31.2	0.8	7.1%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	77.0	-1.3%	0.5	6,997	8.2	3,778	20.4	5.2	55.9%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	175.0	-1.2%	0.8	4,879	1.2	8,428	20.8	4.6	62.6%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	95.0	1.6%	1.1	5,881	5.1	6,744	14.1	5.3	30.5%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	13.5	0.0%	1.5	395	2.8	1,206	11.2	1.0	10.7%	9.1%
ACV	Vận tải	84.9	-0.1%	0.8	8,036	0.1	363	234.0	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	111.2	-1.6%	1.1	2,619	1.6	114	974.0	3.4	16.9%	0.4%
HVN	Vận tải	14.2	-6.0%	1.7	1,367	3.0	(4,005)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	46.5	-1.1%	0.8	609	0.6	3,063	15.2	2.0	49.0%	14.2%
PVT	Vận tải	20.8	-1.9%	1.3	293	1.8	2,528	8.2	1.2	19.2%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	57.7	9.9%	0.9	401	0.5	7,783	7.4	1.8	3.1%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	39.6	-6.6%	1.0	772	2.0	4,399	9.0	2.4	6.2%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.1	1.4%	1.3	184	0.4	652	17.0	0.8	2.0%	4.7%
CTD	Xây dựng	37.2	-5.1%	1.5	119	1.7	(832)	#N/A N/A	0.3	52.3%	-0.7%
CII	Xây dựng	14.4	-4.0%	1.6	158	3.8	1,464	9.8	0.7	8.6%	7.1%
REE	Điện	77.1	-2.4%	-1.4	1,191	0.8	7,767	9.9	1.9	49.1%	20.2%
PC1	Điện	20.8	-1.9%	-0.4	245	1.9	1,507	13.8	1.1	4.2%	8.7%
POW	Điện	11.1	-3.1%	0.6	1,130	4.6	499	22.3	0.9	4.7%	3.9%
NT2	Điện	27.5	-1.6%	0.7	344	0.5	2,858	9.6	1.8	16.2%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	22.0	-4.3%	1.6	734	4.5	2,934	7.5	1.0	18.8%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	79.3	-1%	0.9	3,569	0.5	1,654	47.9	4.7	3.0%	12.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRE	27.30	4.20	0.64	2.64MLN
MSN	95.00	1.60	0.54	1.26MLN
EIB	27.90	1.82	0.16	2.80MLN
TCB	29.25	0.34	0.09	9.32MLN
ITA	5.02	6.81	0.08	10.50MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	56.50	-3.25	-2	2.87MLN
VHM	48.20	-2.23	-1	2.14MLN
VPB	17.95	-2.97	-1	29.43MLN
CTG	27.55	-1.78	-1	5.17MLN
VCB	79.20	-0.63	-1	757500

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
POM	5.81	7.00	0.03	231300.00
PTC	6.63	6.94	0.00	269300
OGC	9.11	6.92	0.04	2.29MLN
ASG	25.60	6.89	0.03	5700
HSL	4.53	6.84	0.00	68600

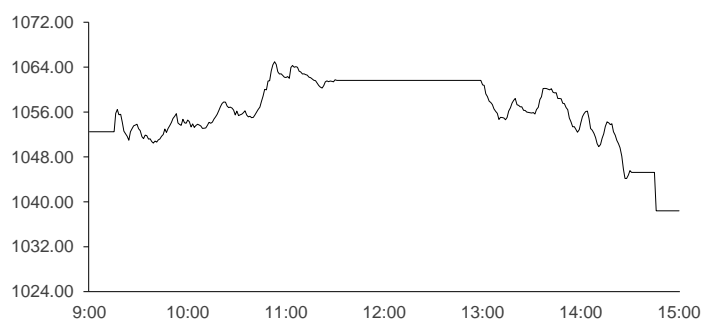
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	56.50	-3.25	-1.82	2.87MLN
VHM	48.20	-2.23	-1.20	2.14MLN
VPB	17.95	-2.97	-0.93	29.43MLN
CTG	27.55	-1.78	-0.60	5.17MLN
VCB	79.20	-0.63	-0.59	757500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	38.50	9.07	1.84	43600.00
VCS	57.70	9.90	0.27	205800
PTI	37.00	9.14	0.12	2200
OCH	7.70	10.00	0.10	35100.00
AMV	4.10	7.89	0.05	2.94MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	35.80	-4.53	-0.69	3.87MLN
HUT	16.00	-8.57	-0.50	2.39MLN
KSF	69.60	-1.69	-0.27	56200
PVS	22.50	-2.60	-0.24	7.00MLN
GEO	22.50	-3.02	-0.22	11.71MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

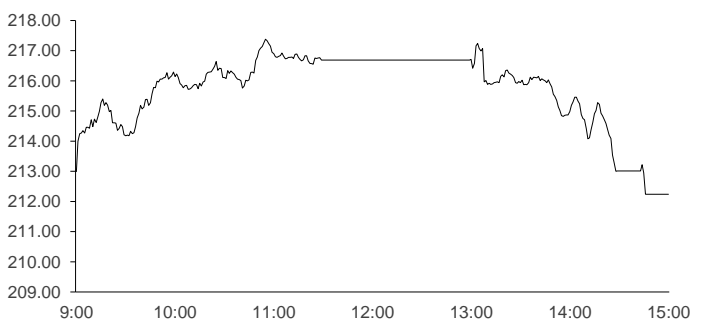
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	7.70	10.0	0.10	35100
VCS	57.70	9.9	0.27	205800
PSD	15.70	9.8	0.02	41600
CTB	15.80	9.7	0.03	100
VSM	19.20	9.7	0.00	22200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLM	59.20	-9.89	-0.05	5300
MHL	6.40	-9.86	0.00	100
SDN	38.00	-9.52	0.00	700
STC	19.30	-9.39	-0.01	200
VC7	7.40	-8.64	-0.03	192000

Hình 2

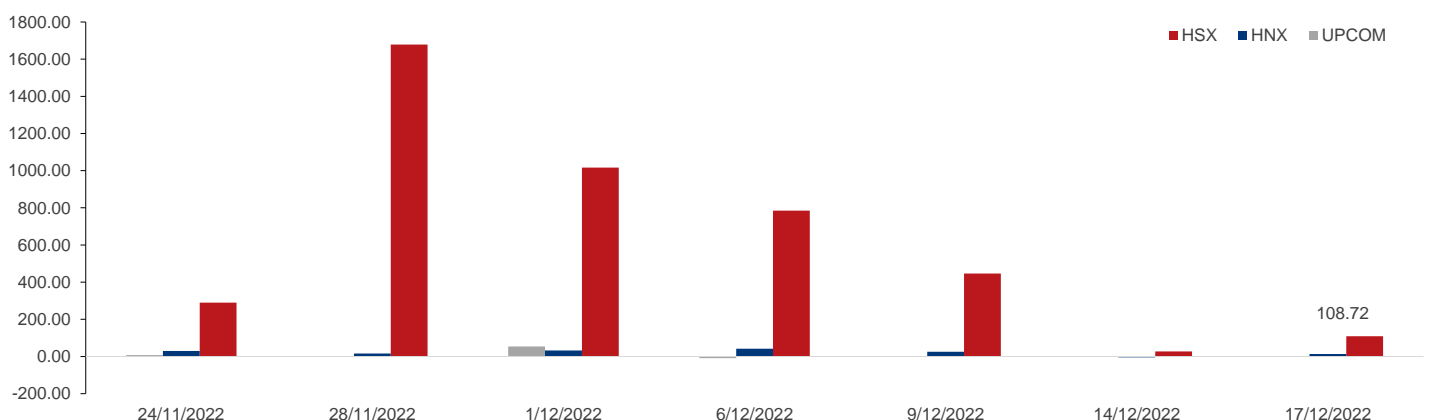
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	84.9	363	234.0	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	112.0	7,720	14.5	3.3	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	17.0	0	#N/A N/A	0.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	76.6	4,803	16.0	4.2	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	60.0	6,869	8.7	1.9	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	50.2	5,795	8.7	1.9	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	26.7	1,786	15.0	1.7	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	33.4	10,803	3.1	1.0	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	71.0	12,293	5.8	1.7	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	40.0	4,727	8.5	1.6	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	14.2	2,108	6.7	1.2	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	30.7	1,016	30.2	1.4	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	14.1	1,390	10.1	0.9	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	20.0	2,662	7.5	1.2	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	16.2	1,409	11.5	0.8	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	43.3	15,533	2.8	1.3	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	11.1	652	17.0	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	27.5	2,858	9.6	1.8	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.0	0	#N/A N/A	0.7	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	21.8	3,943	5.5	0.7	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	15.8	1,278	12.3	1.4	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	20.8	1,507	13.8	1.1	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	11.1	499	22.3	0.9	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	14.1	2,826	5.0	0.6	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	77.1	7,767	9.9	1.9	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	25.4	4,406	5.8	0.7	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	105.2	6,968	15.1	3.6	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	25.6	4,889	5.2	1.1	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	20.0	2,662	7.5	1.2	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	11.7	3,944	3.0	1.1	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	14.2	2,108	6.7	1.2	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	54.9	3,936	13.9	4.2	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	112.0	7,720	14.5	3.3	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.1	2,761	5.1	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	27.5	2,858	9.6	1.8	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	56.7	11,143	5.1	1.0	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	73.5	5,327	13.8	4.5	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	20.8	1,507	13.8	1.1	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.9	671	19.2	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	76.6	4,803	16.0	4.2	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	21.3	2,642	8.1	1.4	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	14.1	2,826	5.0	0.6	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	11.1	499	22.3	0.9	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	112.0	7,720	14.5	3.3	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	47.2	3,504	13.5	3.0	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.8	2,528	8.2	1.2	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	22.8	19.1	19.11%	24	7.25%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	84.9	74.7	13.65%	90	6.01%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	79.3	75.0	5.73%	94	18.79%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	14.2	13.6	4.41%	19	31.69%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	54.9	37.7	45.62%	51	-6.74%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	16.2	10.6	52.36%	14	-12.69%	Click
7	DRC	Ô tô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	21.3	17.1	24.56%	28	31.46%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	76.6	65.9	16.24%	85	10.44%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	73.5	59.8	22.91%	75	2.45%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.1	12.2	7.38%	16	19.85%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	35.8	29.0	23.45%	43	21.23%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	22.0	16.7	31.74%	18	-17.73%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	21.8	18.9	15.34%	24	8.26%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	47.2	37.9	24.41%	50	6.68%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	112.0	94.1	19.02%	119	6.16%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	11.1	10.5	6.22%	13	17.12%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	17.0	13.6	25.00%	20	15.88%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	22.5	19.1	17.80%	28	24.44%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	20.8	17.5	18.86%	24	16.83%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.2	12.0	10.00%	16	21.21%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	77.1	70.2	9.83%	86	11.54%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	79.2	75.0	5.60%	90	14.02%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	40.0	34.9	14.61%	48	20.00%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	71.0	74.9	-5.21%	87	22.82%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	77.0	77.0	0.00%	86	11.56%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	27.3	25.0	9.20%	32	16.48%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Trợ lý chứng quyền (Thổ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
8	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
18	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
21	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
23	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
24	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
27	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
30	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
33	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
36	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
41	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
43	Banking Sector Outlook		x	Click
44	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

